VẤN ĐỀ ÁP DỤNG ÁN LỆ Ở VIỆT NAM

DƯƠNG BÍCH NGỌC *
NGUYỄN THỊ THUÝ **

1. Khái quát về án lệ

Án lệ xuất hiện khá sớm trong lịch sử, vào khoảng thế kỉ thứ III trước Công nguyên (TCN) và tồn tại dưới hình thức các phán quyết, nhằm điều chỉnh các mối quan hệ phù hợp với sự phát triển của xã hội La Mã thời cổ đại. Trải qua nhiều bước thăng trầm của lịch sử, án lệ được duy trì và phát triển trong hệ thống pháp luật các nước trên thế giới một cách chính thức hoặc không chính thức tồn tại đan xen trong các hệ thống pháp luật.

Có thể nói án lệ thực sự có nguồn gốc từ nước Anh. Án lệ xuất hiện từ thế kỉ XI (1066) ở Anh sau cuộc chinh phục của người Norman và là hệ quả của quá trình xây dựng chế độ phong kiến tập trung của Hoàng gia Anh. Hiện nay ở Anh án lệ vẫn là nguồn luật chủ yếu tồn tại bên cạnh luật thành văn và các nguồn luật khác. Về nguyên tắc, luật thành văn luôn được ưu tiên áp dụng nhưng có thể thấy rằng các thẩm phán Anh vẫn luôn tìm cách để áp dụng án lệ.

Mỹ là quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều từ pháp luật Anh do có thời gian dài là thuộc địa của Anh. Án lệ trong pháp luật Mỹ mặc dù còn mang đậm dấu ấn của pháp luật Anh nhưng được áp dụng một cách mềm dẻo, linh hoạt hơn trong hoạt động xét xử. Các án lệ trong pháp luật Mỹ được hình thành từ các phán quyết của các thẩm phán toà án liên bang và toà án các bang.

Anh và Mỹ là hai quốc gia có án lệ phát triển nhất trên thế giới và án lệ cũng là nguồn luật không thể thiếu trong hệ thống pháp luật của hai quốc gia này.(1)

Có nhiều định nghĩa khác nhau về án lệ. Những định nghĩa này chỉ khác nhau về cách diễn đạt và đã nêu được những điểm cơ bản, cốt lõi nhất về án lệ. Có thể đưa ra định nghĩa chung về án lệ như sau: "*Án lệ là hệ thống các quy phạm và nguyên tắc được hình thành và áp dụng bởi các thẩm phán trong quá trình xét xử và đưa ra phán quyết*".

2. Việc sử dụng án lệ trên thế giới

Đặc điểm của án lệ được xác định bởi các phương pháp được sử dụng để tạo ra án lệ và văn hoá pháp lí đặc biệt với những đòi hỏi, nguyên tắc áp dụng án lệ.

Án lệ có những đặc điểm sau:

- *Thứ nhất*, án lệ do thẩm phán tạo ra và để giải quyết các vụ việc cụ thể. Tuy nhiên không phải bản án của bất cứ cấp toà án nào cũng được coi là án lệ mà nó phải được thông qua một số trình tự, thủ tục nhất định tuỳ theo quy định của mỗi quốc gia.

- *Thứ hai*, án lệ có tính khuôn mẫu, điều này thể hiện ở việc khi bản án được công nhận là án lệ thì nó sẽ được lấy làm khuôn mẫu cho các vụ việc có tính chất tương tự và sẽ được sử dụng nhiều lần.

---

* Cựu sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội (K29)
** Công ti luật VDT

- *Thứ ba,* án lệ có tính bắt buộc, có nghĩa là nếu bản án được đem ra sử dụng cho vụ việc có tính chất tương tự nhưng chỉ để tham khảo thì không được coi là án lệ mà bản án đó phải là khuôn mẫu buộc các thẩm phán phải áp dụng đối với các vụ án tương tự sau này.(2)

Án lệ cũng như các nguồn luật khác, có cơ chế hình thành riêng. Thông thường để hình thành án lệ trước hết phải có bản án, không phải toàn bộ bản án đó được coi là án lệ mà chỉ có một phần trong đó và không phải bản án nào cũng trở thành án lệ.

Nguyên tắc quan trọng nhất khi sử dụng án lệ là "Stare decisis". Nguyên tắc này bắt nguồn từ việc Common Law được tạo ra không phải bởi các văn bản pháp luật mà bằng việc các toà án sử dụng quyết định của toà như một tiền lệ. Nguyên tắc Stare decisis phát triển rất nhanh và thế là các quyết định của toà trước đây được đưa ra trong vụ việc tương tự phải được tuân thủ, nghĩa là án lệ phải được tôn trọng. Tóm lại, nguyên tắc Stare decisis có thể hiểu một cách đơn giản như sau: Hai vụ việc với các tình tiết chính tương tự như nhau sẽ được xét xử như nhau.(3) Sở dĩ nguyên tắc này được sử dụng và được coi trọng bởi vì khi không có các quy định của luật thành văn điều chỉnh, nguyên tắc "Stare decisis" góp phần vào việc xét xử vụ án kịp thời, từ đó duy trì sự tôn trọng pháp luật ở mức độ nhất định. Nguyên tắc áp dụng án lệ ở Mỹ còn được gọi là "Rule of precedent", theo đó toà án Mỹ không bị ràng buộc bởi chính các án lệ của mình.

Án lệ đã có quá trình sử dụng lâu dài trong truyền thống Common Law (tiêu biểu cho truyền thống pháp luật này là Anh và Mỹ). Hiệu quả mà án lệ đem lại là không ít, chẳng hạn như:

- Các vụ việc được giải quyết nhanh chóng hơn khi chưa có luật thành văn điều chỉnh;

- Làm cho pháp luật ngày càng dễ hiểu gắn liền với thực tiễn;

- Với sự phong phú của án lệ, các thẩm phán có thể tìm thấy sự hỗ trợ cho hầu như bất cứ vụ việc nào;

- Tạo sự thống nhất trong công tác xét xử giữa các cấp toà án;

- Án lệ cũng góp phần nâng cao trình độ của các thẩm phán, luật sư... do đòi hỏi của việc xét xử và tranh tụng nên họ phải tìm hiểu về rất nhiều án lệ.

Tuy nhiên, ngoài những tác dụng tích cực trên, việc áp dụng án lệ cũng có những nhược điểm nhất định, đó là:

- Khối lượng lớn án lệ và sự phức tạp truy cập chúng là khó khăn lớn đối với các thẩm phán và luật sư;(4)

- Việc lạm dụng áp dụng án lệ có thể dẫn đến sự coi thường việc hoàn thiện pháp luật thành văn.

Chính những ưu điểm của án lệ và hiệu quả mà nó đem lại là một trong những lí do quan trọng để các quốc gia sử dụng án lệ trong hoạt động xét xử. Ngoài ra, các nhược điểm của án lệ vẫn không ngừng được khắc phục và các nguyên tắc áp dụng án lệ vẫn tiếp tục được hoàn thiện để việc áp dụng án lệ đạt được hiệu quả cao trong thực tế.

Ở mức độ nhất định, một số quốc gia theo truyền thống luật thành văn vẫn coi án lệ là nguồn luật và thực tiễn cho thấy án lệ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong các hệ thống luật thành văn.

3. Sự cần thiết của việc chính thức áp dụng án lệ ở Việt Nam

Ở Việt Nam, dưới chế độ phong kiến, có thể coi án lệ đã xuất hiện và tồn tại dưới dạng các phán quyết, chiếu, sắc dụ, lệnh của nhà vua nhưng vào thời điểm đó không gọi bằng thuật ngữ "án lệ". Án lệ chính thức được coi là nguồn luật của Việt Nam vào thời kì Pháp thuộc (1858 - 1945). Vào giai đoạn này án lệ đã được sưu tập và công bố, điển hình là Tập án lệ Bắc kì (năm 1937) và Trung kì (năm 1941). Đến khi nhà nước phong kiến nửa thuộc địa ở Việt Nam sụp đổ, các tập án lệ cũng mất giá trị pháp lí. Từ đó đến nay, án lệ không được coi là nguồn của pháp luật Việt Nam.(4)

Ngày nay, Việt Nam là quốc gia theo truyền thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, luật thành văn là nguồn luật cơ bản và quan trọng nhất, nên án lệ chưa được thừa nhận là nguồn luật chính thức và hiện nay còn có những quan điểm trái ngược nhau về việc có nên đưa án lệ vào áp dụng hay không.

Thực tế cho thấy, luật thành văn dù có được xây dựng cẩn thận và kĩ lưỡng đến đâu thì cũng không thể dự đoán được hết những tình huống sẽ xảy ra trong tương lai. Hơn nữa, ngày càng có nhiều hành vi vi phạm pháp luật tinh vi, nhiều tình huống mà các nhà làm luật không lường hết được. Khi xuất hiện những hành vi vi phạm pháp luật hay tình huống mới thì việc cần phải làm là sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật thành văn để kịp thời điều chỉnh những tình huống này. Tuy nhiên, việc sửa đổi các quy phạm này phải qua trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và sẽ mất khoảng thời gian nhất định, do vậy tình trạng thiếu quy phạm pháp luật là rất dễ xảy ra. Ngoài ra, trong một số trường hợp luật thành văn cũng không rõ ràng và khó hiểu nếu như thiếu các văn bản hướng dẫn. Nếu trao cho thẩm phán quyền được ra phán quyết ngay cả khi chưa có luật điều chỉnh, tức là tạo ra quy phạm luật mà có thể trở thành án lệ sau này thì sẽ hạn chế được tình huống trên... Như vậy, án lệ đã bổ sung giúp cho luật thành văn trở nên gắn liền với thực tiễn hơn bao giờ hết.

Án lệ giúp cho mỗi công dân có thể xác định được cách xử sự phù hợp với pháp luật khi mà các hành vi đó có những khuôn khổ ứng xử được xác lập từ trước và đã được pháp luật thừa nhận. Còn khi xảy ra tranh chấp, các toà án có cơ sở để xét xử dựa trên khuôn khổ đã có, những khuôn khổ này nếu không được sử dụng trong phán quyết thì cũng là nguồn tài liệu tham khảo có ích.

Khi xây dựng án lệ, toà án góp phần vào việc hoàn thiện và phát triển luật thành văn trong tương lai. Do việc giải thích luật được thực hiện tại từng thời điểm khác nhau, khi các điều kiện kinh tế xã hội đã chuyển biến nhiều so với lúc ban hành luật nên việc áp dụng luật để xét xử vụ án mới lại trở thành hoạt động mang tính sáng tạo, khác hẳn với công việc thụ động của các thẩm phán hiện tại, công việc mà người ta vẫn gọi là "án tại hồ sơ", cho dù gặp phải những vụ án hay vụ việc có những tình tiết tương tự thì họ vẫn phải nghiên cứu hồ sơ và đối chiếu quy phạm pháp luật mà không được phép sử dụng những phán quyết đã có hiệu lực, kể cả khi việc sử dụng này nhanh, chính xác và đơn giản hơn. Án lệ cũng giúp cho các thẩm phán dễ dàng hơn trong việc giải quyết các vụ án vì họ sẽ không phải tự tìm giải pháp

cho từng vụ. Đó là cách hữu hiệu để tiết kiệm thời gian, tiền bạc, công sức của các thẩm phán, các đương sự và những người có liên quan. Hơn nữa, các phán quyết có sử dụng án lệ sẽ khó có thể bị sửa chữa bởi thủ tục phúc thẩm bởi vì có thể án lệ được sử dụng chính là bản án đã có hiệu lực thi hành của toà phúc thẩm trước đó.

Việc áp dụng án lệ còn thể hiện sự tôn trọng lẫn nhau giữa các thẩm phán và những người làm công tác xét xử, tăng tính thống nhất giữa các cấp toà án bởi vì đó chính là sự tôn trọng quyết định của thẩm phán khác và cũng biểu lộ mong muốn được giải quyết các vụ việc trong trật tự thống nhất.

Sử dụng án lệ còn làm tăng uy tín của thẩm phán và toà án các cấp, tăng sự tôn nghiêm của bản án hay quyết định đã có hiệu lực thi hành, thúc đẩy sự công bằng của thẩm phán.

Án lệ cũng sẽ làm cho quá trình tranh tụng tại toà án trở nên có hiệu quả và hấp dẫn hơn. Trong phiên toà, phần tranh tụng luôn là phần được mong đợi nhưng đáng tiếc là hiện nay vấn đề này vẫn còn nhiều bất cập, quá trình tranh tụng vẫn diễn ra đúng thủ tục mà pháp luật quy định nhưng dường như không mấy hiệu quả. Thực tế cũng cho thấy nhiều khi lập luận của luật sư hợp lí và xác đáng nhưng kết luận của toà án cũng không có gì thay đổi. Việc sử dụng án lệ sẽ hạn chế và giảm bớt thực trạng này bởi vì lúc đó toà án phải thận trọng hơn khi ra phán quyết để không trái với những gì mình đã tuyên trong quá khứ.

Sử dụng án lệ cũng sẽ đáp ứng được yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam vì ba lí do sau:

- *Thứ nhất,* trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh với chính sách mở cửa, tăng cường hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia trên thế giới trên mọi lĩnh vực. Khi tham gia vào các quan hệ quốc tế nhất là các quan hệ về thương mại, có thể chúng ta sẽ phải đối mặt với nhiều vụ kiện liên quan đến thương mại. Thực tế là sau khi Việt Nam gia nhập WTO, khá nhiều các vụ kiện bán phá giá mà Việt Nam là bị đơn đã được khởi kiện lên cơ quan giải quyết tranh chấp của tổ chức này và rất tiếc là trong nhiều vụ kiện do không nắm vững pháp luật nên chúng ta đã bị động trong giải quyết vấn đề. Hiện nay, án lệ cũng đã được sử dụng trong pháp luật quốc tế và đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế nói chung. Vì vậy, nếu sử dụng án lệ thì các nhà làm luật Việt Nam sẽ dễ dàng nắm bắt được nguyên tắc áp dụng án lệ trong pháp luật quốc tế, từ đó có thể hi vọng vào phần thắng của Việt Nam ở các vụ kiện trong tương lai.

- *Thứ hai,* trong trường hợp Việt Nam không vướng vào những vụ kiện tại các cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế thì các cá nhân, tổ chức của Việt Nam cũng hoàn toàn có thể là nguyên đơn hay bị đơn trong các vụ kiện tại toà án của các quốc gia khác, khi đó chúng ta bắt buộc phải nắm được pháp luật của quốc gia đó. Chẳng hạn khi cá nhân hoặc tổ chức của Việt Nam tham gia vào vụ kiện tại Anh hay Mỹ, nếu như thuê luật sư Việt Nam bào chữa thì việc luật sư này phải tìm hiểu kĩ về án lệ là việc tất yếu phải làm còn nếu không thì đương sự đành phải thuê luật sư nước ngoài và chắc chắn chi phí bỏ ra sẽ cao hơn nhiều. Hơn nữa, nếu Việt Nam đã áp dụng án lệ thì việc tiếp cận án lệ của Anh hay Mỹ sẽ trở nên dễ dàng hơn, việc tìm

hiểu cũng đỡ mất thời gian hơn. Gần đây có vụ kiện mà rất nhiều người dân Việt Nam quan tâm và ủng hộ đó là vụ các nạn nhân chất độc màu da cam tại Việt Nam kiện 37 công ti hoá chất của Mỹ về việc bồi thường thiệt hại do chất độc màu da cam gây ra trong chiến tranh. Khi vụ kiện có phán quyết cuối cùng thì đây có thể sẽ tạo ra tiền lệ cho những vụ tương tự tiếp theo tại Mỹ.[5] Đáng tiếc là vào ngày 2/3/2009, Toà án tối cao Mỹ đã bác bỏ đơn kiện của các nạn nhân chất độc da cam Việt Nam.[6]

- *Thứ ba*, theo xu thế chung thì ngay cả các quốc gia theo truyền thống luật thành văn cũng ngày càng coi trọng án lệ và thực tế là án lệ đã chứng tỏ được vai trò quan trọng trong pháp luật của các quốc gia này vì vậy Việt Nam cũng nên xem xét để đưa án lệ vào pháp luật của nước mình.

Các báo cáo tổng kết mà Toà án nhân dân tối cao đưa ra hàng năm nhằm mục đích hướng dẫn hoạt động xét xử của toà án nhân dân các cấp có thể coi là sự hiện diện của án lệ tại Việt Nam nhưng như vậy là chưa đủ bởi vì báo cáo tổng kết đương nhiên là không có đầy đủ các dấu hiệu của án lệ do không chuyển tải được toàn bộ nhận định và phân tích pháp lí của các phán quyết về từng vấn đề pháp lí của mỗi vụ án. Tuy vậy cũng có nhiều hướng dẫn đã phát huy hiệu quả trên thực tế, khiến công tác xét xử sau đó trở nên thuận lợi và rõ ràng hơn. Do đó nếu phát triển những báo cáo của Toà án nhân dân tối cao trở thành án lệ thì nó sẽ còn hiệu quả hơn, tránh được những sai sót và cũng giúp cho các báo cáo này ngày càng hoàn thiện. Vì vậy, theo tác giả đã đến lúc phải có những đánh giá xứng đáng về hiệu quả của án lệ và nên thừa nhận vai trò của nó trong pháp luật Việt Nam.

4. Khả năng áp dụng án lệ ở Việt Nam

Có thể nhận thấy rằng hệ thống pháp luật Việt Nam rất khác biệt so với hệ thống pháp luật Anh, Mỹ nói riêng và các hệ thống pháp luật thuộc truyền thống Common Law nói chung nên có nhiều quan điểm cho rằng án lệ không thể được đưa vào áp dụng ở Việt Nam, tuy nhiên, án lệ nên được áp dụng một cách sáng tạo, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của Việt Nam, không áp dụng rập khuôn, máy móc án lệ và các nguyên tắc sử dụng án lệ của bất kì nước nào, hơn thế nữa Việt Nam sẽ tận dụng được các ưu điểm và hạn chế tối đa các nhược điểm của án lệ ở các nước đã áp dụng. Như là việc Mỹ đã cải cách về thủ tục và áp dụng nguyên tắc Stare decisis của Anh một cách sáng tạo. Kết quả là pháp luật Mỹ đã trở nên linh hoạt và thực tế hơn so với pháp luật Anh vào cùng thời điểm.

Trên thế giới có nhiều hệ thống pháp luật phát triển lâu đời (Anh, Mỹ...) trong đó án lệ đã được sử dụng hàng trăm năm nay và liên tục được sửa đổi để ngày càng hoàn thiện và phù hợp với thực tiễn. Vì vậy, khi đưa án lệ vào áp dụng ở Việt Nam thì việc tham khảo những hệ thống pháp luật này là cần thiết và tất yếu để tiết kiệm thời gian và mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, án lệ nếu đưa vào áp dụng tại Việt Nam thì cũng không nên áp dụng hoàn toàn theo hệ thống pháp luật của bất kì quốc gia nào mà nên học hỏi những cách làm của nhiều quốc gia khác nhau, nhất là những quốc gia có hệ thống án lệ phát triển trên thế giới và có ảnh hưởng sâu rộng tới các quốc gia khác. Việc học hỏi cũng không nên chỉ bắt nguồn từ những điểm

tương đồng mà nên nhìn nhận cả những điểm khác biệt để có thể rút ra những kinh nghiệm cần thiết và áp dụng một cách hiệu quả nhất ở Việt Nam.

Nền tảng của án lệ chính là những nguyên tắc mà mỗi quốc gia áp dụng cho hệ thống pháp luật nước mình, để đánh giá khả năng áp dụng án lệ tại Việt Nam cần bắt đầu từ những nguyên tắc này. Đối với hệ thống pháp luật Việt Nam ban đầu có thể áp dụng các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc Stare decisis: Hai vụ việc với các tình tiết chính tương tự nhau sẽ phải có kết quả xét xử như nhau. Đây là nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất thể hiện được bản chất của án lệ, nguyên tắc này được sử dụng phổ biến trong pháp luật Anh và Mỹ.

- Án lệ sử dụng phải có tính bắt buộc: Đây là nguyên tắc cần thiết với bất kì án lệ trong pháp luật của quốc gia nào để đảm bảo án lệ chặt chẽ và hiệu quả không kém gì luật thành văn. Để thực hiện được nguyên tắc này, Việt Nam phải quy định trình tự, thủ tục hay quy trình cụ thể của việc công nhận một án lệ là bắt buộc.

- Toà án cấp dưới có nghĩa vụ phải áp dụng án lệ của toà án cấp trên: Vì hệ thống toà án Việt Nam được tổ chức thành các cấp nên cũng có thể áp dụng nguyên tắc này. Ban đầu có thể quy định chỉ có Toà án nhân dân tối cao mới được quyền tạo ra án lệ và các toà án cấp dưới phải tuân thủ, sau này khi số lượng án lệ đã tăng lên và việc áp dụng dần đi vào ổn định thì có thể mở rộng khả năng tạo ra án lệ cho các toà án cấp dưới trực tiếp của Toà án nhân dân tối cao.

- Trong vụ kiện, các bên có thể viện dẫn nhiều án lệ: Nguyên tắc này cần thiết bởi vì rất ít khi có hai vụ kiện có những tình tiết chính giống hệt nhau mà mỗi phần của vụ việc có thể liên quan đến một án lệ. Vì vậy để đảm bảo việc xét xử được đầy đủ và chính xác cần viện dẫn nhiều án lệ liên quan nếu có.

- Luật thành văn có giá trị cao hơn án lệ: Cần có nguyên tắc này bởi vì cho đến nay luật thành văn vẫn là nguồn luật quan trọng nhất của pháp luật Việt Nam, vì vậy việc duy trì vị trí của luật thành văn là điều cần thiết.

- Việc áp dụng án lệ phải đảm bảo được tính chắc chắn và ổn định của pháp luật. Nguyên tắc này luôn cần thiết với bất kì hệ thống pháp luật của nước nào. Tuy nhiên, do nguyên tắc này mang tính hình thức và khái quát, vì vậy để đưa vào áp dụng trong thực tế, cần phải có những quy định cụ thể gắn liền với nguyên tắc.

Đó là những nguyên tắc cơ bản trong sử dụng án lệ mà theo quan điểm riêng của tác giả là có khả năng áp dụng ở Việt Nam khi nước ta chính thức sử dụng án lệ. Những nguyên tắc này tham khảo từ hệ thống pháp luật Anh Mỹ và các quốc gia khác trên thế giới.

Có quan điểm cho rằng án lệ và luật thành văn là hai sự trái ngược, luật thành văn b cạnh tranh và phủ nhận bởi án lệ còn án lệ thì bị phá vỡ bởi luật thành văn, tuy nhiên quan điểm như vậy là phiến diện. Luật thành văn và án lệ tồn tại trong mối quan hệ thống nhất, bổ sung và hỗ trợ cho nhau ngày càng phát triển và tiến bộ, tất cả cùng hướng tới mục đích chung là hoàn thiện hệ thống pháp luật, đem lại sự công bằng cho xã hội? Thực tiễn cũng đã chứng minh nhận định trên kh mà các quốc gia vốn đi theo truyền thống luậ thành văn đang ngày càng nhận thức được

tầm quan trọng của án lệ và án lệ ngày càng phát huy vai trò tích cực ở các quốc gia này không kém gì luật thành văn. Trong khi đó các quốc gia thường xuyên áp dụng án lệ thì vẫn luôn tôn trọng hiệu lực của luật thành văn, họ có quy định khi án lệ mâu thuẫn với luật thành văn thì luật thành văn được ưu tiên áp dụng. Ngoài ra, luật thành văn ở các quốc gia này cũng giúp giảm bớt sự tuỳ tiện và lạm quyền của thẩm phán. Một dấu hiệu nữa cũng có thể coi là sự hỗ trợ giữa luật thành văn và án lệ đó là sự "luật hoá" án lệ: Một án lệ được sử dụng lâu dài và hiệu quả hoàn toàn có thể trở thành điều luật. Đồng thời, việc giải thích hợp lí quy phạm pháp luật đa nghĩa nhưng chỉ theo một nghĩa trong thời gian dài cũng được coi là án lệ và đó chính là sự bổ sung lẫn nhau giữa luật thành văn và án lệ.

Hệ thống toà án Việt Nam được tổ chức theo các cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm; ngoài ra còn có giám đốc thẩm và tái thẩm, vì vậy cũng phù hợp với việc sử dụng án lệ. Tuy hệ thống toà án Việt Nam không hoàn toàn giống so với hệ thống toà án của các nước Common Law nhưng thiết nghĩ vấn đề đặt ra là cần đưa án lệ vào sử dụng sao cho phù hợp với cơ cấu hệ thống toà án chứ không phải là cần sửa đổi hệ thống toà án cho giống với các nước khác để áp dụng án lệ.

Đối với Việt Nam, án lệ cũng không phải là khái niệm quá mới mẻ và xa lạ. Hiện tại những báo cáo tổng kết, những hướng dẫn xét xử của Toà án nhân dân tối cao cũng có thể coi là dấu hiệu ban đầu của việc sử dụng án lệ. Toà án nhân dân tối cao cũng đã xuất bản hai tập "Quyết định giám đốc thẩm" bao gồm các quyết định dân sự và hình sự. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy những quyết định đó hoàn toàn có khả năng phát triển thành án lệ để áp dụng chính thức tại Việt Nam.

5. Một số đề xuất nhằm nâng cao khả năng áp dụng án lệ ở Việt Nam

- Trước tiên, cần chú trọng vào việc hoàn thiện các báo cáo tổng kết, hướng dẫn của Toà án nhân dân tối cao để từ đó phát triển thành án lệ. Xây dựng quy chế chặt chẽ về việc công nhận án lệ. Bước tiếp theo, cần phổ biến và hướng dẫn cụ thể với các toà án cấp dưới và các toà địa phương về quy chế này.

- Khi áp dụng án lệ thì thẩm phán giữ vai trò hết sức quan trọng vì vậy thẩm phán cần phải là những người có thực tài, có phẩm chất đạo đức tốt và có khả năng sáng tạo. Để có được những án lệ có giá trị bắt buộc đòi hỏi các thẩm phán phải có trình độ cao, có khả năng phân tích, đánh giá các bản án, các lập luận của luật sư. Để đạt được điều này họ cần được đào tạo bài bản và có sự độc lập đúng nghĩa của nguyên tắc "thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".

- Nhiệm kì của thẩm phán cũng cần được xem xét. Hiện tại thẩm phán ở Việt Nam có nhiệm kì 5 năm là quá ngắn. 5 năm là quãng thời gian quá ngắn để thẩm phán thể hiện được khả năng của mình cũng như có thể tích luỹ kinh nghiệm qua quá trình xét xử. Có khi một người làm thẩm phán 5 năm chỉ kịp xử một số vụ án và khi vừa thích nghi với địa bàn công tác thì họ đã bị thay bởi người khác và người này lại phải bắt đầu lại, đó là chưa kể việc các thẩm phán vừa công tác lại vừa lo lắng không biết mình có được bổ nhiệm tiếp vào nhiệm kì tới hay không. Như vậy cần phải có nhiệm kì dài hơn cho

các thẩm phán để họ có đủ thời gian tích luỹ kinh nghiệm, thể hiện khả năng của mình và yên tâm công tác. Nhưng điều quan trọng nhất là cần tuyển chọn được những thẩm phán có tài năng thực sự. Ngoài ra cũng cần đảm bảo đời sống cho các thẩm phán bằng cách quy định mức lương thoả đáng, bảo vệ sự an toàn cho các thẩm phán và gia đình họ..., để những phán quyết của họ thực sự công bằng và khách quan.

Quy định về thẩm quyền giải thích pháp luật hiện nay ở Việt Nam cũng là trở ngại cho việc áp dụng án lệ. Theo quy định thì thẩm quyền giải thích luật hiện nay được trao cho Uỷ ban thường vụ Quốc hội trong khi thẩm phán mới là người trực tiếp xét xử và chính trong quá trình xét xử, thẩm phán phải giải thích về ý nghĩa và nội dung của từng điều luật cho các đương sự nói riêng và xã hội nói chung, các thẩm phán không thể yêu cầu các đương sự và người dân đợi giải thích của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và như đã phân tích do án lệ cũng có vai trò giải thích luật nên việc trao quyền giải thích luật cho toà án cũng là hợp lí. Hơn nữa với kiến thức và kinh nghiệm về áp dụng pháp luật của các thẩm phán, họ hoàn toàn có thể giải thích luật một cách rõ ràng, nhanh chóng và dễ hiểu cho người dân.

Các bản án, quyết định của toà án các cấp ở Việt Nam hiện nay chưa được công bố rộng rãi và rất khó tiếp cận. Việc công bố một cách công khai các bản án và tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân khi cần đều có thể tiếp cận là điều cần thiết, việc làm này thể hiện tính minh bạch trong hoạt động của toà án nói chung và hoạt động xét xử nói riêng. Khi các bản án được công khai, mọi người đều có thể đánh giá và góp ý, trong đó đương nhiên có cả những chuyên gia trong lĩnh vực luật pháp, các luật sư và cả các thẩm phán khác, ngoài ra còn có các giảng viên, sinh viên luật... Những ý kiến này sẽ là nguồn tư liệu tham khảo đáng giá cho các thẩm phán khi xét xử những vụ việc tương tự sau này. Công bố rộng rãi các bản án cũng thúc đẩy sự công bằng và chính xác trong việc xét xử bởi vì khi mà rất nhiều người dân biết về bản án đó thì thẩm phán không dễ gì phủ nhận cũng như tuỳ tiện đưa ra phán quyết khác với vụ việc trước đây.

Việc giải thích luật là khâu quan trọng trong quá trình xét xử có sử dụng án lệ, việc giải thích này đôi khi phụ thuộc vào ý chí chủ quan của thẩm phán chẳng hạn như việc phân tích và đánh giá những tình tiết như thế nào là tình tiết tương tự cần thiết cho việc xét xử.

(Xem tiếp trang 64)

---

(1).Xem: Nguyễn Đức Mai, *Về vấn đề án lệ ở nước ta hiện nay*, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 3/1998; Nguyễn Linh Giang, *Án lệ trong hệ thống pháp luật một số nước trên thế giới*, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 12/2005.

(2).Xem: Nguyễn Linh Giang, *Án lệ trong hệ thống pháp luật một số nước trên thế giới*, Tạp chí nhà nước và pháp luật số 12/2005.

(3).Xem: Michael Bogdan, *Luật so sánh*, Hà Nội, 2002

(4).Xem: Triệu Quang Khánh, *Việc sử dụng án lệ trong hệ thống pháp luật dân sự*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 7(79)/2006.

(4).Xem: Nguyễn Linh Giang, *Án lệ trong hệ thống pháp luật một số nước trên thế giới*, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 12/2005.

(5).Xem:http://www11.dantri.com.vn/Sukien/2005/7/70869.vip

(6).Xem:http://vietnamnet.vn/chinhtri/2009/03/833803/

nhận quyền sử dụng đất từ người khác theo hạn mức, có thể thuê đất khi có nhu cầu sử dụng, hoặc có thể góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác sản xuất kinh doanh với nhau. Đây là cơ sở cho việc mở rộng quy mô diện tích đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất của người sử dụng đất nông nghiệp. Chính vì vậy, việc quy định hạn mức đất nông nghiệp vẫn không hề cản trở đến việc phát triển kinh tế trang trại - mô hình kinh tế sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp nông thôn được Nhà nước khuyến khích phát triển.

Thứ ba, hạn mức đất chỉ thực sự đúng với ý nghĩa và phát huy được vai trò của nó khi gắn kết với các quy định về đất nông nghiệp. Việc quy định hạn mức đất nông nghiệp là một trong những giải pháp để thực hiện tốt mục tiêu "đảm bảo cho người sử dụng đất nông nghiệp có đất để sản xuất". Đây là mục tiêu quan trọng mà Đảng và Nhà nước ta đã, đang và vẫn sẽ phải làm trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại, việc quy định hạn mức đất nông nghiệp đặt ra giới hạn cần thiết, hành lang pháp lí an toàn để việc tích tụ, tập trung đất đai phát huy được đầy đủ vai trò tích cực của nó trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực. Việc quy định hạn mức đất hợp lí sẽ cho phép tích tụ, tập trung đất đai ở mức độ phù hợp với điều kiện đất đai, cây trồng, khí hậu và từng vùng sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất đồng thời khuyến khích những người lao động giỏi bằng khối óc và bàn tay lao động của mình có thể làm giàu chính đáng trong phạm vi hạn mức đất mà Nhà nước cho phép sử dụng./.

VẤN ĐỀ ÁP DỤNG ÁN LỆ Ở VIỆT NAM

(tiếp theo trang 44)

Kinh nghiệm từ các nước theo truyền thống Common Law cho thấy để tránh sử dụng án lệ, thẩm phán chỉ cần cho rằng tình tiết nào đó của án lệ khác cơ bản với tình tiết vụ án đang xét xử. Thêm vào đó, có thể sẽ có tình huống là cùng án lệ nhưng mỗi thẩm phán lại có cách giải thích khác nhau sẽ dẫn đến việc cho ra phán quyết khác nhau. Để tránh được việc này, yêu cầu đặt ra là các phán quyết phải được tuyên một cách rõ ràng, tránh dùng những từ ngữ có thể hiểu theo nhiều nghĩa, những câu có thể hiểu theo nhiều hướng khác nhau.

Qua quá trình xét xử, số lượng án lệ sẽ ngày càng gia tăng, để dễ dàng cho việc tìm kiếm thì ngay từ đầu phải có sự sắp xếp và lưu trữ một cách khoa học các bản án. Có thể sử dụng một số cách như lưu trữ theo thời gian xét xử, theo cấp toà, theo loại vụ việc...

Dù là thẩm phán hay luật sư thì cũng cần trải qua quá trình đào tạo cơ bản về luật trong các trường đại học vì vậy nếu muốn áp dụng án lệ thì cần đưa án lệ vào giảng dạy chính thức tại các trường đại học để sinh viên luật có thể có những hiểu biết nhất định về án lệ phục vụ cho công việc sau này. Ngoài ra, cần nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ trong các trường đại học để sinh viên có thể nghiên cứu những tài liệu nước ngoài một cách thuận lợi và chính xác.

Cuối cùng, để đưa án lệ vào áp dụng ở Việt Nam thì cần phải có kế hoạch cụ thể, chi tiết về các bước thực hiện và phải có sự phối hợp đồng bộ giữa ba ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp./.